**PHỤ LỤC 1**

**Tổng hợp nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025**

*(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SKHCN ngày tháng năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Nội dung và mức chi hỗ trợ** |
| **I** | **Hỗ trợ đối với các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp** |
| **1** | **Tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST)** |
|  | a) Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.  b) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số [06/2019/NQ-HĐND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-quyet-06-2019-nq-hdnd-quy-dinh-che-do-don-tiep-khach-nuoc-ngoai-thua-thien-hue-422348.aspx) ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND); Nghị quyết số [02/2018/NQ-HĐND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-quyet-02-2018-nq-hdnd-che-do-cong-tac-phi-che-do-chi-hoi-nghi-doi-voi-co-quan-hue-380130.aspx) ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND).  c) Tổ chức cuộc thi KNĐMST trên địa bàn tỉnh  - Căn cứ theo điều kiện cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch tổ chức và quy chế xét tặng giải thưởng cuộc thi KNĐMST thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở theo quy định tại Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Nghị định số 78/2014/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.  - Nội dung và mức chi: Thực hiện theo nội dung và mức chi áp dụng đối với hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật quy định tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi đối với các Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, riêng chi giải thưởng cho các tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa có ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đạt giải thưởng cuộc thi theo các mức sau: giải nhất 30.000.000 đồng/giải; giải nhì 20.000.000 đồng/giải; giải ba 15.000.000 đồng/giải, 03 giải khuyến khích, mỗi giải 5.000.000 đồng/giải. Số lượng các giải thưởng thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Thể lệ cuộc thi KNĐMST được cấp có thẩm quyền phê duyệt |
| **2** | **Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho KNĐMST** |
|  | a) Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Trong đó:  -  Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện;  - Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị, tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện;  - Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 35% tổng dự toán kinh phí thực hiện.  b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo KNĐMST, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:  - Yêu cầu về trình độ, năng lực của chuyên gia thực hiện theo quy định Bộ Khoa học và Công nghệ.  - Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc, tối đa không quá 10.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo.  Trong trường hợp cần thiết phải tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức chi thuê chuyên gia tối đa không quá 30.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo;  Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.  - Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.  Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 35% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. |
| **3** | **Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động KNĐMST** |
|  | Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo:  1. Đối tượng thuộc phạm vi hỗ trợ theo quy định tại Khoản này phải đáp ứng các điều kiện quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.  2. Đơn vị phải lập và quản lý dự án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Trong đó, tổng dự toán kinh phí hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật không vượt quá 30% tổng mức kinh phí thực hiện của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |
| **4** | **Hoạt động truyền thông về KNĐMST** |
|  | 1. Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  2. Dự toán kinh phí đối với hoạt động truyền thông và phổ biến tuyên truyền được lập theo các quy định như sau:  a) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.  b) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.  c) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.  d) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.  đ) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp thành công của Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND.  3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, sản phẩm, nội dung truyền thông, căn cứ quy định tại Khoản 1, 2 Điều này để phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện công việc trong phạm vi dự toán được giao theo thẩm quyền, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ. |
| **5** | **Hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp** |
|  | 1. Chi hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số [02/2018/NQ-HĐND](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=58/2017/NQ-H%C4%90ND&match=True&area=2&lan=1); Nghị quyết số [06/2019/NQ-HĐND](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=05/2019/NQ-H%C4%90ND&match=True&area=2&lan=1) (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo có tính chất quốc tế theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt), trong đó:  a) Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ;  b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ);  c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 35% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ.  2. Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới:  a) Yêu cầu về trình độ, năng lực của chuyên gia thực hiện theo quy định Bộ Khoa học và Công nghệ.  b) Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc, tối đa không quá 7.000.000 đồng/chuyên gia/chương trình.  c) Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.  Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình kết nối quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. |
| **II** | **Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân có dự án KNĐMST** |
| 1 | 1.1 Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp KNĐMST trả tiền công lao động trực tiếp; sử dụng các dịch vụ KNĐMST; sử dụng không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ và tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở nước ngoài. Trong đó ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp KNĐMST có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi KNĐMST trong các sự kiện KNĐMST cấp quốc gia hoặc quốc tế.  1.2. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể như sau:  a) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp KNĐMST trả tiền công lao động trực tiếp:  - Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương.  - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi là Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND).  - Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 01 năm/doanh nghiệp.  - Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.  b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ KNĐMST (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 60.000.000 đồng/doanh nghiệp, cá nhân hoặc nhóm cá nhân.  c) Hỗ trợ tối đa 35% kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp KNĐMST.  - Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương.  - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND.  - Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm. |
| 2 | Chi hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ KNĐMST (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ, tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 60.000.000 đồng/ doanh nghiệp, cá nhân hoặc nhóm cá nhân |
| 3 | Hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Tối đa không quá 60.000.000 đồng/nhiệm vụ/doanh nghiệp, cá nhân hoặc nhóm cá nhân.. Nội dung các hoạt động tư vấn được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ. |
| 4 | Hỗ trợ văn phòng làm việc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo |
|  | 4.1 Nội dung hỗ trợ:  Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trên địa bàn tỉnh.  4.2. Điều kiện được hỗ trợ:  a) Khu làm việc chung hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo là cơ sở phải đảm bảo các điều kiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ được quy định tại Thông tư số 07/2020/TT-BKHCN ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.  b) Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trên địa bàn tỉnh nếu đáp ứng một trong các tiêu chí sau về đổi mới sáng tạo:  - Có dự án/ý tưởng khởi nghiệp được chọn vào vòng chung kết của các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo được tổ chức trên địa bàn tỉnh (kể cả các cuộc thi từ các vườn ươm doanh nghiệp, câu lạc bộ khởi nghiệp);  - Có dự án/ý tưởng khởi nghiệp đã qua quá trình tuyển chọn, ươm tạo tại các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa (có hợp đồng ươm tạo hoặc Giấy tờ chứng nhận đã qua quá trình tuyển chọn, ươm tạo);  - Có dự án/ý tưởng khởi nghiệp được các thành viên tại cuộc họp thẩm định liên ngành do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở chuyên ngành liên quan thông qua;  - Có sản phẩm đã đăng ký bảo hộ với các hình thức: bằng sáng chế (độc quyền sáng chế hoặc độc quyền giải pháp hữu ích); kiểu dáng công nghiệp; thiết kế bố trí và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận đơn hợp lệ hoặc được cấp văn bằng;  - Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.  4.3. Định mức hỗ trợ:  - Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa: Hỗ trợ 50% chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trong thời hạn 12 tháng liên tục, nhưng tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp.  - Đối với tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân:  + Hỗ trợ 50% chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trong thời hạn 12 tháng liên tục, nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/tháng/tổ chức hoặc nhóm cá nhân.  + Hỗ trợ 50% chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trong thời hạn 12 tháng liên tục, nhưng tối đa không quá 01 triệu đồng/tháng/cá nhân. |
| 5 | Chi hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ tối đa không quá 7.000.000 đồng/1 đơn vị tham gia; |

**PHỤ LỤC 2: Mẫu hồ sơ đăng ký**

**Mẫu 2.1a**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho hệ sinh thái khởi nghiệp**

**đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025**

**Năm: …….**

**I. Thông tin chung về tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân:**

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân:

2. Mã số thuế:

3. Ngày thành lập (nếu có):

4. Địa chỉ trụ sở chính:

5. Điện thoại:………………….. ..; Email:

6. Người liên hệ:…………………; Chức vụ

Điện thoại:.................................; Email:

7. Đối tượng hỗ trợ là:

a. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định khoản 1, mục II, Điều 1, Quyết định số 844/QĐ-TTg hoặc Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo

b. Tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định khoản 2, mục II, Điều 1, Quyết định số 844/QĐ-TTg, bao gồm:

b.1. Cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh cho khởi nghiệp

b.2. Tổ chức cung cấp cơ sở vật chất, thiết bị dùng chung cho khởi nghiệp.

b.3. Tổ chức cung cấp các dịch vụ khác cho khởi nghiệp:……………

8. Loại hình đơn vị sự nghiệp công lập (nếu là đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

**II. Nội dung đề nghị hỗ trợ**

(Đánh dấu X vào các ô tương ứng)

1. Các nội dung hỗ trợ dành cho cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp

1.1. Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

1.2. Hỗ trợ trả tiền công lao động trực tiếp; Hỗ trợ kinh phí sử dụng không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; Hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ.

2. Các nội dung hỗ trợ dành cho tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp:

2.1. Tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (trừ nội dung tại Mẫu 2.1b).

2.2. Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế; Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp.

2.3. Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật.

2.4. Hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN.

2.5. Hỗ trợ kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khở

i nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam.

2.6. Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới; Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới.

**III. Cam kết**

1. Tổ chức đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước theo quy định;

2. Tổ chức cam kết cung cấp đủ nguồn lực cần thiết (nhân lực, kinh phí và các nguồn lực khác liên quan) đảm bảo thực hiện có chất lượng và đúng tiến độ theo yêu cầu;

3. Chưa nhận hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước với nhiệm vụ đề nghị hỗ trợ.

Tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc kê khai trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………….…..., ngày ….tháng….năm….*  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP TÔ CHỨC/**  **DOANH NGHIỆP/CÁ NHÂN/NHÓM CÁ NHÂN** *(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu nếu có)* |

***Hồ sơ đính kèm bao gồm:***

1. Đơn đăng ký: theo Mẫu 2.1a.

2. Thuyết minh hỗ trợ (trừ nội dung hỗ trợ theo Mẫu 2.1b):

- Đối với các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp: theo Mẫu 2.3a.

- Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo: theo Mẫu 2.3b.

- Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp đăng ký hỗ trợ theo hình thức nhiệm vụ khoa học công nghệ, theo Mẫu 2.3c.

3. Các tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến nội dung hỗ trợ.

…………………………………

…………………………………

**Mẫu 2.1b**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**Kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện......**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế

Tên tổ chức, cá nhân tham gia: …………………………………………

Địa chỉ: ……………………………………………………..……………….

Điện thoại: ………………………..…... Email: …………………..…………

Sản phẩm trưng bày tại sự kiện: ……………………………….…………………..

**Các yêu cầu:**

- Diện tích trưng bày: ………………………………………………………….

- Bàn để tài liệu, trưng bày, giới thiệu sản phẩm……………………………….

Các yêu cầu khác: ……………….………………………………………….

Người đại diện trực tiếp liên hệ và làm việc với ban tổ chức: ………….

Điện thoại: ……………………………………………………………

Email:…………………………………………………………………………

Dự toán kinh phí chi tiết đề nghị hỗ trợthuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện......**(dự toán kèm theo):**

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí tham gia theo các quy định, chính sách của nhà nước.

*Thừa thiên Huế, ngày tháng năm 20..*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ** | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (Kèm theo Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện.....)** | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Hạng mục** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: đính kèm báo giá nội dung liên quan (nếu có)*

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm

**Đơn vị**

*(Ký tên, ghi rõ họ, tên, đóng dấu nếu có)*

**Mẫu 2.2**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Thừa Thiên Huế, ngày ... tháng ... năm ...* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**Văn phòng làm việc tại khu làm việc chung**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế

Tôi tên là (ghi rõ họ tên):..............................................................................................

Số CMND: .............................. ngày cấp: ..................................................................

Là người đại diện nhóm cá nhân hoặc đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc tổ chức (ghi rõ tên và mã số nếu là doanh nghiệp): ................................(nếu là nhóm cá nhân hoặc doanh nghiệp, tổ chức)

Địa chỉ: .......................................................................................................................

Điện thoại: .................................................................................................................

Doanh nghiệp hoặc tổ chức hoặc nhóm cá nhân hoặc cá nhân có nhu cầu và đề nghị hỗ trợ *chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung.*

- Thời gian đề nghị hỗ trợ: ... tháng (từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...).

- Chi phí thuê phải trả mỗi tháng: ... triệu đồng, trong đó đề nghị hỗ trợ: ... triệu đồng.

- Tổng chi phí đề nghị hỗ trợ: ... triệu đồng.

Doanh nghiệp hoặc tổ chức, nhóm cá nhân hoặc cá nhân cam kết những thông tin kê khai ở trên là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và trung thực của nội dung đề nghị hỗ trợ trên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Thừa Thiên Huế, ngày … tháng … năm …*  **Cá nhân hoặc đại diện nhóm cá nhân hoặc  người đại diện theo pháp luật hoặc tổ chức**  *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu nếu có)* |

***Hồ sơ đính kèm bao gồm:***

*Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã), Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với hộ kinh doanh) hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (đối với nhóm cá nhân, cá nhân). Bản sao Hợp đồng thuê văn phòng làm việc. Bản sao các giấy tờ liên quan đến các điều kiện quy định tại nội dung 4 Mục II Phụ lục 1 kèm theo Hướng dẫn này; Biên bản nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng; Hóa đơn tài chính.*

**Mẫu 2.3a**

**THUYẾT MINH NỘI DUNG, KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**Năm: …….**

*(Dành cho các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo)*

**I. Thông tin pháp nhân tổ chức đăng ký**

1. Tên tổ chức:

2. Mô tả các tiêu chí theo theo quy định khoản 2, mục II, Điều 1, Quyết định số 844/QĐ-TTg

2. Chức năng, nhiệm vụ chính

2.1. Tóm tắt về năng lực của người đứng đầu

*(Kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp)*

2.2. Tóm tắt năng lực tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp

- Thời gian hoạt động:

- Tổ chức đã cung cấp dịch vụ cho …… nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất ….. tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

- Các chức năng của tổ chức

2.3. Tóm tắt về quy trình hỗ trợ khởi nghiệp tại đơn vị

2.4. Các thông tin khác:

- Nguồn lực thực hiện: nhân lực và tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật dành cho hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp theo Thông tư 07/2020/TT-BKHCN ngày 11/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Các hợp tác, đối tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

**II. Thuyết minh nội dung thực hiện**

**I. Kế hoạch dự kiến thực hiện**

Chi tiết dự kiến nội dung, đối tượng, thời gian, cách thức triển khai, kết quả dự kiến

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đăng ký hỗ trợ** | **Thời gian dự kiến** | **Mô tả nội dung** | **Cách thức triển khai** | **Kết quả dự kiến** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**II. Chi tiết kinh phí thực hiện**

1. Dự toán kinh phí

Đính kèm dự toán kinh phí thực hiện.

*(Chi tiết xây dựng dự toán theo Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025* *và các quy định hiện hành. Căn cứ để xác định mức chuyên gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo Điều 13, Thông tư 01/2018/TT-BKHCN ngày 12/4/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định về tổ chức quản lý Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025")*

2. Kinh phí hỗ trợ

| **Stt** | **Nội dung hỗ trợ** | **Tổng kinh phí thực hiện** | **Kinh phí đối ứng** | **Kinh phí đề nghị hỗ trợ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nội dung đề nghị hỗ trợ (theo các nội dung đăng ký ở trên) |  |  |  |
| … | ….. |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |

**III. Các thông tin bổ sung**

*(Cung cấp thông tin và tài liệu văn bản chi tiết để chứng minh các nội dung đề nghị hỗ trợ như hợp đồng, báo giá dịch vụ…)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày……tháng …… năm 20…*  **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ**  *(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)* |

**Mẫu 2.3b**

**THUYẾT MINH HỖ TRỢ**

*(Dành cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đăng ký hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo)*

**Năm ….**

|  |
| --- |
| **I. Thông tin tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp** |
| 1. Thông tin tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: |
| 1.1. Tên tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: |
| 1. 2. Địa chỉ: |
| 1.3. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: |
| 2. Mô tả về dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo |
| 2.1. Sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh  *(Tính mới và giá trị khác biệt của sản phẩm/dịch vụ, khả năng nhân rộng của mô hình kinh doanh; giải pháp công nghệ, tài sản trí tuệ được khai thác sử dụng nếu có)* |
| 2.2. Tổng quan thị trường  *(Khách hàng mục tiêu, quy mô của thị trường mục tiêu; các lợi ích sản phẩm mang tới khách hàng, đối thủ cạnh tranh, kênh tiếp cận khách hàng)* |
| 2.3. Nguồn lực thực hiện (nhân sự, tài chính; trang thiết bị, đối tác…) |
| 2.4. Các kết quả đạt được tới thời điểm hiện tại |
| 2.5. Kế hoạch phát triển (1 năm, 3 năm): |
| **II. Thuyết minh nội dung đề nghị hỗ trợ** |
| 1. Nội dung đăng ký hỗ trợ (lựa chọn nội dung đăng ký hỗ trợ):  Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, bao gồm:  1.1. Dịch vụ đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp.  1.2. Dịch vụ marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế.  1.3. Dịch vụ thanh toán, tài chính.  1.4. Dịch vụ đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.  1.5. Dịch vụ tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ. |
| 2. Tóm tắt nội dung đề nghị hỗ trợ:  *(Cung cấp thông tin chi tiết đối với từng dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đăng ký hỗ trợ:*  *- Sự cần thiết đối với doanh nghiệp:*  *- Mục tiêu thực hiện:*  *- Thời gian thực hiện dự kiến:*  *- Kinh phí thực hiện:*  *- Dự kiến kết quả đạt được:*  *- Đơn vị cung cấp dịch vụ: (tên, địa chỉ)* |
| 3. Kinh phí đề nghị hỗ trợ:   | **Stt** | **Nội dung hỗ trợ** | **Tổng kinh phí thực hiện** | **Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp** | **Kinh phí đề nghị hỗ trợ** | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | Nội dung 1 (theo các nội dung đăng ký ở trên) |  |  |  | | … | ….. |  |  |  | |  | **Tổng cộng:** |  |  |  |   Tổng kinh phí thực hiện:………………. (bằng chữ:………………………)  Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:……………… (bằng chữ:……………..........)  Tổng kinh phí đối ứng của doanh nghiệp:…………….. (bằng chữ:………………..) |

*…………….…..., ngày ….tháng….năm….*   
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP/**

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN/NHÓM CÁ NHÂN**

**Mẫu 2.3c**

**THUYẾT MINH NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho hệ sinh thái khởi nghiệp**

**đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025**

**(Phiếu đề xuất nhiệm vụ)**

*(Dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đăng ký hỗ trợ trả tiền công lao động trực tiếp; hỗ trợ kinh phí sử dụng không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ)*

**Năm ….**

1. Tên Doanh nghiệp:

* Họ và tên:
* Số ĐT liên hệ:

1. Tên nhiệm vụ:
2. Hình thức thực hiện: *Dự án sản xuất thử nghiệm*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ:
5. Phạm vi ảnh hưởng và tầm quan trọng
6. Khả năng không trùng lắp của dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang được thực hiện:
7. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực (*trong và/hoặc ngoài nước: nhân lực, vật lực…*) cho việc thực hiện dự án
8. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
9. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
10. Dự kiến hiệu quả mang lại:
11. Dự kiến thời gian thực hiện *(Số tháng, bắt đầu từ...)*
12. Xuất xứ hình thành:

*(Kết quả của các đề tài khoa học và công nghệ; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài...).*

1. Khả năng huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất...)*

*......., ngày ... tháng ... năm 20…*

**TÊN DOANH NGHIỆP**

(Họ, tên và chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4. Kèm theo các phụ lục, tài liệu minh chứng làm rõ nội dung đề xuất (nếu có).*

*2. Sau khi được phê duyệt danh mục dự án, đơn vị gửi thuyết minh dự án theo Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương*